

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**(06 Tháng Đầu năm 2025 / Semiannual report)**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Name of company: **MY CHAU PRINTING AND PACKAGING CORPORATION**

- Địa chỉ trụ sở chính: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Registered Address: 18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

- Điện thoại/Telephone: 3961 2844 – 3961 2734

Fax: 3961 2737

- Email: [info@mychau.com.vn](mailto:info@mychau.com.vn)

- Vốn điều lệ/Charter capital: **180.810.530.000 đồng/ 180,810,530,000 VND.**

- Mã chứng khoán/ Stock code: MCP

- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors and General Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ The implementation of internal audit: Implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date                    | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 147/2025/NQ-ĐHĐCĐ                                   | 25/04/2025<br>April 25,<br>2025 | Thông qua Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.<br><i>Approval of the Board of Management's Report on business results in 2024 and Business plan in 2025.</i>                                                                          |
|            |                                                     |                                 | Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.<br><i>Approval of the Board of Directors' Report on the performance results in 2024 and performance plan in 2025.</i>                                                                                  |
|            |                                                     |                                 | Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.<br><i>Approval of the Board of Supervisors' Report on the performance results in 2024 and performance plan in 2025.</i>                                                                                    |
|            |                                                     |                                 | Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.<br><i>Approval of the audited Financial Statements for the year 2024.</i>                                                                                                                                                                            |
|            |                                                     |                                 | Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.<br><i>Approval of the selection of the audit firm for the 2025 financial statements.</i>                                                                                                                                                     |
|            |                                                     |                                 | Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.<br><i>Approval of the Profit distribution proposal in 2024 and the profit distribution plan in 2025.</i>                                                                                                          |
|            |                                                     |                                 | Thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.<br><i>Approval of stock issuance to pay dividends in 2024.</i>                                                                                                                                                                                     |
|            |                                                     |                                 | Thông qua Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2025.<br><i>Approval of the Board of Directors and Supervisory Board's remuneration report for 2024 and the remuneration plan for 2025.</i>                                                              |
|            |                                                     |                                 | Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty<br><i>Approval of amendments and supplement to the Company Charter</i>                                                                                                                                                                                            |
|            |                                                     |                                 | Thông qua Miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế Thành viên độc lập Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.<br><i>Approval of the dismissal and election of additional members to replace the independent members of the Board of Directors for the remaining term of 2022 - 2027.</i> |
|            |                                                     |                                 | Thông qua Danh sách ứng cử, đề cử bầu bổ sung, thay thế Thành viên độc lập Hội đồng quản trị                                                                                                                                                                                                                 |

301  
:ON  
Ổ P  
/A  
Y C  
U-TP

*qu*



| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                               |
|------------|-----------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                     |              | Approval of the List of candidates, nominations for additional election and replacement of independent members of the Board of Directors                                                                                                          |
|            |                                                     |              | Thông qua Kết quả trúng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 - 2027<br>Approval of the results of the election of independent members of the Board of Directors for the remaining term of 2022 – 2027. |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng)/ Board of Directors (Semiannual report):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ Board<br>of Directors' members | Chức vụ/ Position                                                         | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/<br>thành viên độc lập HĐQT<br>The date becoming/ceasing to be the member of<br>the Board of Directors/ independent member of<br>the Board of Directors                                                                                        |                                      |
|------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                                 |                                                                           | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment                                                                                                                                                                                                                                                     | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1          | Ông/Mr. Vũ Trọng Tuấn                           | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of the<br>board of directors                    | Được bầu làm Thành viên<br>HĐQT kể từ ngày<br>01/11/2024 và được bổ<br>nhiệm làm Chủ tịch HĐQT<br>kể từ ngày 25/11/2024<br>Elected as a Member of the<br>Board of Directors from<br>November 1, 2024 and<br>appointed as Chairman of<br>the Board of Directors from<br>November 25, 2024 |                                      |
| 2          | Bà/Ms. Phan Đỗ Hạnh                             | Thành viên HĐQT<br>Member of the Board<br>of Directors                    | 20/01/2020<br>January 20, 2020                                                                                                                                                                                                                                                           |                                      |
| 3          | Bà/Ms. Nguyễn Mai Thanh                         | Thành viên độc lập<br>HĐQT<br>Independent Member<br>of Board of Directors | 25/04/2025<br>April 25, 2025                                                                                                                                                                                                                                                             |                                      |
| 4          | Bà/Ms. Dương Thị Thanh<br>Tâm                   | Thành viên độc lập<br>HĐQT<br>Independent Member<br>of Board of Directors | 28/06/2024<br>June 28, 2024                                                                                                                                                                                                                                                              | 25/04/2025<br>April 25, 2025         |

### 2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ <i>Board of<br/>Director' member</i> | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự/ <i>Number of<br/>meetings attended by<br/>Board of Directors</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp/<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Lý do không tham dự<br>họp/ <i>Reasons for absence</i>                                                 |
|------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông/Mr. Vũ Trọng Tuấn                                 | 17/17                                                                                         | 100%                                                |                                                                                                        |
| 2          | Bà/Ms. Nguyễn Mai Thanh                               | 9/17                                                                                          | 53%                                                 | Bầu bổ sung thay thế kể<br>từ ngày 25/04/2025<br><i>Elected as a replacement<br/>on April 25, 2025</i> |
| 3          | Bà/Ms. Phan Đỗ Hạnh                                   | 17/17                                                                                         | 100%                                                |                                                                                                        |
| 4          | Bà/Ms. Dương Thị Thanh Tâm                            | 8/17                                                                                          | 47%                                                 | Miễn nhiệm kể từ ngày<br>25/04/2025<br><i>Dismissed from<br/>April 25, 2025</i>                        |

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của MCP, trong 06 tháng đầu năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ và giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

*Pursuant to the Company Charter, Internal Regulations on Corporate Governance, and Operating Regulations of the Board of Directors of MCP, in the first 6 months of 2025, the Board of Directors fully implemented and supervised the activities of the General Director in production and business management, specifically as follows:*

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.

*Supervise the implementation of resolutions, production and business plans approved by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.*

- Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.

*Supervise the General Director's operations to ensure the Company's production and business activities are safe and in compliance with the law, resolutions of the General Meeting of Shareholders and Resolutions of the Board of Directors.*

- Giám sát, kiểm tra báo cáo tài chính nhằm quản lý chặt chẽ chi phí, phòng ngừa hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

*Supervise and check financial reports to strictly manage costs, prevent and limit risks in production, business and investment activities.*

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ hoặc bất thường tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) liên quan đến những nội dung bắt buộc phải công bố thông tin, hoàn thành nộp và công bố thông tin đúng thời hạn.



*Supervise the implementation of the reporting regime, periodic or irregular information disclosure to the State Securities Commission, Hochiminh Stock Exchange (HOSE) related to the contents required to disclose information, complete submission and disclosure of information on time.*

- Giám sát Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức ngày 25/04/2025.

*Supervise the Annual General Meeting of Shareholders held on April 25, 2025.*

- Tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý, cuộc họp bất thường nhằm chỉ đạo, định hướng hoạt động cho Ban điều hành, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

*Organize quarterly Board of Directors meetings, and extraordinary meetings to direct and orient the activities of the Executive Board and resolve issues under the authority of the Board of Directors..*

- Triển khai và giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu và bằng tiền theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

*Implement and supervise the payment of 2024 dividends in shares and cash according to the plan approved by the General Meeting of Shareholders.*

#### **4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):**

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

*The Company does not establish subcommittees under the Board of Directors. Board members perform their duties as assigned by the Board of Directors.*

#### **5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semiannual report):**

| Stt No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/<br>Decision No. | Ngày<br>Date                       | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tỷ lệ<br>thông qua<br>Approval rate |
|---------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1       | 01/2025/NQ-HĐQT                                             | 13/02/2025<br>February<br>13, 2025 | Thông qua đầu tư mua lò sấy cho chuyên in tráng<br><i>Approval of investment in I-Beam wicket without<br/>rollers for printing and coating lines</i>                                                                                                                                                                                                 | 100%                                |
| 2       | 02/2025/NQ-HĐQT                                             | 25/02/2025<br>February<br>25, 2025 | Thông qua việc chỉ định người đại diện ký kết hợp<br>đồng và các văn bản liên quan đến việc vay vốn<br>của Công ty tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Tp.<br>Hồ Chí Minh<br><i>Approval of the appointment of a representative<br/>to sign contracts and documents related to the<br/>Company's borrowing at BIDV Bank - Ho Chi<br/>Minh City Branch</i> | 100%                                |
| 3       | 03/2025/NQ-HĐQT                                             | 28/02/2025<br>February<br>28, 2025 | Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường<br>niên năm 2025<br><i>Convening the 2025 Annual General Meeting of<br/>Shareholders</i>                                                                                                                                                                                                              | 100%                                |
| 4       | 04/2025/QĐ-HĐQT                                             | 04/03/2025                         | Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm<br>2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 100%                                |



| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/<br>Decision No. | Ngày<br>Date                    | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ<br>thông qua<br>Approval rate |
|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|            |                                                             | March 4,<br>2025                | Establishing the Organizing Committee of the<br>2025 Annual General Meeting of Shareholders                                                                                                        |                                     |
| 5          | 05/2025/QĐ-HĐQT                                             | 04/03/2025<br>March 4,<br>2025  | Phân công soạn thảo văn kiện ĐHĐCĐ thường<br>niên năm 2025<br>Assignment of drafting documents for the 2025<br>Annual General Meeting of Shareholders                                              | 100%                                |
| 6          | 06/2025/NQ-HĐQT                                             | 03/03/2025<br>March 3,<br>2025  | Bổ nhiệm Trưởng phòng Quản lý Chất lượng<br>Appointment of Head of Quality Management                                                                                                              | 100%                                |
| 7          | 07/2025/NQ-HĐQT                                             | 08/03/2025<br>March 8,<br>2025  | Thông qua việc tổ chức chuyến du lịch, tham quan<br>cho CB-CNV Công ty tại Thủ đô Hà Nội<br>Approval of a company trip for employees to<br>Hanoi Capital                                           | 100%                                |
| 8          | 08/2025/NQ-HĐQT                                             | 24/03/2025<br>March 24,<br>2025 | Miễn nhiệm và bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng<br>Dismissal and appointment of Chief Accountant<br>position                                                                                          | 100%                                |
| 9          | 09/2025/QĐ-HĐQT                                             | 25/03/2025<br>March 25,<br>2025 | Quyết định miễn nhiệm vị trí Kế toán trưởng<br>Decision to dismiss the position of Chief<br>Accountant                                                                                             | 100%                                |
| 10         | 10/2025/QĐ-HĐQT                                             | 25/03/2025<br>March 25,<br>2025 | Quyết định bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng<br>Decision to appoint the position of Chief<br>Accountant                                                                                               | 100%                                |
| 11         | 11/2025/NQ-HĐQT                                             | 18/04/2025<br>April 18,<br>2025 | Thông qua giao dịch mua thép nguyên liệu<br>Approval of the purchase of raw steel                                                                                                                  | 100%                                |
| 12         | 12/2025/NQ-HĐQT                                             | 23/04/2025<br>April 23,<br>2025 | Thông qua Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm<br>2025<br>Approval of the 2025 Annual General Meeting of<br>Shareholders Documents                                                                   | 100%                                |
| 13         | 13/2025/QĐ-HĐQT                                             | 24/04/2025<br>April 24,<br>2025 | Thành lập Ban kiểm tra tư cách Cổ đông tại<br>ĐHĐCĐ thường niên năm 2025<br>Establishing a Shareholder Qualification<br>Inspection Committee at the 2025 Annual<br>General Meeting of Shareholders | 100%                                |
| 14         | 14/2025/NQ-HĐQT                                             | 15/05/2025<br>May 15,<br>2025   | Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT cho<br>thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027<br>Assigning tasks to members of the Board of<br>Directors for the remaining term of 2022 - 2027          | 100%                                |
| 15         | 15/2025/NQ-HĐQT                                             | 23/05/2025<br>May 23,<br>2025   | Thông qua việc ký kết hợp đồng lao động với Kế<br>toán trưởng                                                                                                                                      | 100%                                |

030  
CỔ  
CƠ  
V  
MỸ  
PHC



| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/<br>Decision No. | Ngày<br>Date                   | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                        | Tỷ lệ<br>thông qua<br>Approval rate |
|------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|            |                                                             |                                | Approving the labor contract with the Chief Accountant                                                                                                                                                     |                                     |
| 16         | 16/2025/QĐ-MCP                                              | 29/05/2025<br>May 29,<br>2025  | Quyết định thông qua việc chấm dứt hợp đồng lao động và miễn nhiệm Trưởng phòng Kế hoạch – Kho<br>Decision to approve the termination of labor contract and dismissal of the Head of Planning – Warehouse. | 100%                                |
| 17         | 17/2025/NQ-MCP                                              | 09/06/2025<br>June 9, 2025     | Thay đổi nhân sự người được ủy quyền công bố thông tin<br>Change of personnel authorized to disclose information                                                                                           | 100%                                |
| 18         | 18/2025/NQ-HĐQT                                             | 10/06/2025<br>June 10,<br>2025 | Lựa chọn nhà thầu thực hiện thay tôn và chống dột nhà xưởng<br>Selecting a contractor to replace roofing and waterproof the factory                                                                        | 100%                                |
| 19         | 19/2025/QĐ-HĐQT                                             | 18/06/2025<br>June 18,<br>2025 | Thông qua việc chấm dứt hợp đồng lao động và miễn nhiệm Trưởng phòng Hành chính Nhân sự<br>Approval of the termination of the labor contract and dismissal of the Head of Human Resources & Administration | 100%                                |
| 20         | 20/2025/QĐ-HĐQT                                             | 18/06/2025<br>June 18,<br>2025 | Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm vị trí Trưởng phòng Hành chính Nhân sự<br>Decision on the recruitment and appointment of Head of Human Resources Administration                                           | 100%                                |
| 21         | 21/2025/QĐ-HĐQT                                             | 19/06/2025<br>June 19,<br>2025 | Chấm dứt hợp đồng lao động và miễn nhiệm Trưởng phòng Kinh doanh<br>Termination of employment contract and dismissal of Head of Sales                                                                      | 100%                                |
| 22         | 22/2025/QĐ-HĐQT                                             | 19/06/2025<br>June 19,<br>2025 | Quyết định bổ nhiệm Quyền Trưởng phòng Kinh doanh<br>Decision to appoint Acting Head of Sales                                                                                                              | 100%                                |
| 23         | 23/2025/NQ-HĐQT                                             | 20/06/2025<br>June 20,<br>2025 | Thông qua phương án cho vay vốn<br>Approval of the loan scheme                                                                                                                                             | 100%                                |
| 24         | 24/2025/NQ-HĐQT                                             | 23/06/2025<br>June 23,<br>2025 | Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024<br>Approval of the implementation of the plan to issue shares to pay dividends in 2024                             | 100%                                |

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 06 tháng)/Board of Supervisors (Semiannual report):

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS/ Information on members of Board of Supervisors:



| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of Board of Supervisors</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                               | Ngày bắt đầu/không còn là<br>thành viên BKS<br><i>The date becoming/ceasing<br/>to be the member of the<br/>Board of Supervisors</i> |                                                    | Trình độ<br>chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                                                                                                                                                            |
|------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                          |                                                          | Ngày bổ<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>appointment</i>                                                                                   | Ngày miễn<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>dismissal</i> |                                                                                                                                                                                                                           |
| 1          | Bà/Ms. Chu Thị<br>Phương Anh                             | Trưởng BKS<br><i>Head of<br/>Supervisory Board</i>       | 01/11/2024<br><i>November 1<sup>st</sup>,<br/>2024</i>                                                                               |                                                    | Cử nhân Kinh tế (Chuyên<br>ngành Kế toán – Kiểm toán) –<br>Đại học Kinh tế TP. HCM<br>(UEH)<br><i>Bachelor of Economics (Major<br/>in Accounting - Auditing) -<br/>University of Economics Ho<br/>Chi Minh City (UEH)</i> |
| 2          | Ông/Mr. Lê Văn Tới                                       | Thành viên BKS<br><i>Member of<br/>Supervisors Board</i> | 28/06/2024<br><i>June 28, 2024</i>                                                                                                   |                                                    | Cử nhân Luật – Đại học Mở Hà<br>Nội (HOU), Luật sư – Học viện<br>Tư pháp<br><i>Bachelor of Laws – Hanoi<br/>Open University (HOU),<br/>Lawyer – Judicial Academy</i>                                                      |
| 3          | Bà/Ms. Lê Thị Thanh<br>Hằng                              | Thành viên BKS<br><i>Member of<br/>Supervisors Board</i> | 01/11/2024<br><i>November 1<sup>st</sup>,<br/>2024</i>                                                                               |                                                    | Cử nhân Kiểm toán – Học viện<br>Tài chính<br><i>Bachelor of Auditing –<br/>Academy of Finance</i>                                                                                                                         |

## 2. Cuộc họp của BKS/Meetings of Board of Supervisors

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of Board of Supervisors</i> | Số buổi họp<br>tham dự<br><i>Number of<br/>meetings attended</i> | Tỷ lệ<br>tham dự họp<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà/Ms. Chu Thị Phương Anh                                | 02/02                                                            | 100%                                               | 100%                                      |                                                              |
| 2          | Ông/Mr. Lê Văn Tới                                       | 02/02                                                            | 100%                                               | 100%                                      |                                                              |
| 3          | Bà/Ms. Lê Thị Thanh Hằng                                 | 02/02                                                            | 100%                                               | 100%                                      |                                                              |

## 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:



- Giám sát hoạt động của Công ty: Theo dõi việc ban hành, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ, việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các cơ quan quản lý liên quan.

*Supervise the Company's operations: Monitor the issuance and implementation of Resolutions and Decisions of the Board of Directors and the Executive Board; Supervise administrative, operational, internal control activities, compliance with legal regulations and relevant regulatory agencies.*

- Giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của Ủy Ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

*Supervise financial activities, supervise periodic and irregular information disclosure according to regulations of the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange.*

- Xây dựng kế hoạch hoạt động Ban kiểm soát năm 2025 và phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát.

*Develop the 2025 Supervisory Board's operating plan and assign tasks among members of the Supervisory Board.*

- Tham dự 100% và giám sát cuộc họp Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng nhiệm vụ, quyền hạn mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

*Attend 100% and supervise Board of Directors meetings to ensure compliance with the duties and powers approved by the General Meeting of Shareholders.*

- Thẩm tra, rà soát Báo cáo tài chính quý trước khi công bố thông tin.

*Reviewing and verifying the quarterly financial statements before disclosing information.*

#### **4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:**

- Ban kiểm soát giữ mối liên hệ thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban điều hành, tham gia phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã hỗ trợ và hợp tác với Ban kiểm soát để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

*The Supervisory Board maintains regular contact with the Board of Directors and the Executive Board, and participates in regular meetings of the Board of Directors. The Board of Directors and the Executive Board have supported and cooperated with the Supervisory Board to help the Supervisory Board fulfill its tasks.*

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng đã cung cấp tất cả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT và các văn bản liên quan đến việc quản trị, điều hành Công ty khi có yêu cầu từ Ban kiểm soát.

*The Board of Directors, the Board of Management and functional departments have provided all Shareholders' Meeting Resolutions, Board of Directors Resolutions and documents related to the Company's administration and management upon request from the Board of Supervisors.*

- BKS thực hiện nhiệm vụ đề xuất ĐHĐCĐ thông qua Danh sách công ty kiểm toán và tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

*The Supervisory Board performs the task of proposing to the General Meeting of Shareholders to approve the List of auditing companies and criteria for selecting auditing companies to conduct semi-annual reviews and audit the 2025 Financial Statements.*



**5. Hoạt động khác của BKS(nếu có)/Other activities of the Board of Supervisors (if any):**

Không có / None

**IV. Ban điều hành/Board of Management**

| STT<br>No. | Thành viên<br>Ban điều hành<br>Members of Board<br>of Management | Chức vụ<br>Position                     | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of<br>birth | Trình độ<br>chuyên môn<br>Qualification                                                                                                                                                                                                                                       | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm<br>Date of appointment /<br>Date of dismissal |                                               |
|------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|            |                                                                  |                                         |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ngày<br>bổ nhiệm<br>Date of<br>appointment                                 | Ngày<br>miễn<br>nhiệm<br>Date of<br>dismissal |
| 1          | Ông/Mr. La Hoài<br>Nam                                           | Tổng Giám<br>độc<br>General<br>Director |                                            | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh<br>(MBA) – Đại học Wales –<br>Anh Quốc; Cử nhân Kinh tế -<br>Đại học Kinh tế TP. HCM<br>Master of Business<br>Administration (MBA) –<br>University of Wales – UK;<br>Bachelor of Economics – Ho<br>Chi Minh City University of<br>Economics (UEH) | 25/11/2024<br>November<br>25, 2024                                         |                                               |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| STT<br>No. | Họ và tên<br>Name          | Chức vụ<br>Position                      | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of birth | Trình độ<br>chuyên môn nghiệp vụ<br>Qualification                                                                                                                           | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm<br>Date of appointment /<br>Date of dismissal |                                               |
|------------|----------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|            |                            |                                          |                                         |                                                                                                                                                                             | Ngày<br>bổ nhiệm<br>Date of<br>appointment                                 | Ngày<br>miễn<br>nhiệm<br>Date of<br>dismissal |
| 1          | Ông/Mr. Nguyễn<br>Hòa Hiệp | Kế toán<br>trưởng<br>Chief<br>Accountant |                                         | Cử nhân Kinh tế – Đại học<br>Kinh tế TP. HCM ; Chứng<br>chỉ bồi dưỡng Kế toán<br>trưởng<br>Bachelor of economics-<br>UEH; Chief Accountant<br>Training Certificate -<br>UEH | 31/07/2019<br>July 31,<br>2019                                             | 25/03/2025<br>March 25,<br>2025               |
| 2          | Bà/Ms. Đào Thị Mơ          | Kế toán<br>trưởng                        |                                         | Cử nhân Kinh tế - Trường<br>Đại học Kinh tế TP.<br>HCM; Chứng chỉ bồi<br>dưỡng Kế toán trưởng –                                                                             | 25/03/2025<br>March 25,<br>2025                                            |                                               |



| STT<br>No. | Họ và tên<br>Name | Chức vụ<br>Position | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of birth | Trình độ<br>chuyên môn nghiệp vụ<br>Qualification                                                                                                                                                                                      | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm<br>Date of appointment /<br>Date of dismissal |                                               |
|------------|-------------------|---------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|            |                   |                     |                                         |                                                                                                                                                                                                                                        | Ngày<br>bổ nhiệm<br>Date of<br>appointment                                 | Ngày<br>miễn<br>nhiệm<br>Date of<br>dismissal |
|            |                   | Chief<br>Accountant |                                         | Trường Đại học Kinh tế<br>TP. HCM; Chứng nhận<br>Giám đốc Tài chính –<br>Trường Tài chính Kế toán<br>Pace<br>Bachelor of economics-<br>UEH; Chief Accountant<br>Training Certificate -<br>UEH; Chief Financial<br>Officer – CFO – PACE |                                                                            |                                               |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo, diễn đàn, hội thảo về quản trị công ty theo quy định.

*Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other managers and the Company Secretary have participated in training courses, forums and seminars on corporate governance as prescribed.*

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 06 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company

##### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

Xem Phụ lục 01 đính kèm/ See attached Appendix 01.

##### 2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:

Không có/ None.

##### 3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: Không có/ None.

##### 4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company

and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Không có/ None.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and other managers as a member of Board of Directors, General Director: Không có/ None.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác/ Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, General Director and other managers: Không có/ None.

### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 06 tháng)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semiannual report)

#### 1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons công ty

Xem Phụ lục 02 đính kèm/ See attached Appendix 02.

#### 2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Không có/ None.

### IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues:

Không có/ None.

#### Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/ As above;
- Lưu: Thư ký HĐQT/

Archived: Secretary to the BOD

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



VŨ TRỌNG TUẤN



**PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY**

**APPENDIX 01: THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY**

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position in the<br>company (if<br>any)    | Số Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp NSH<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Head office address/<br>Contact address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insider | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Time of no longer<br>being a related<br>person/<br>insider | Lý do<br>Reason       | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>Công ty<br>Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                     | 3                                                                                                    | 4                                                                               | 5                     | 6                                   | 7                            | 8                                                                                   | 9                                                                                                                              | 10                                                                                                                                            | 11                    | 12                                                                             |
| 1          | Vũ Trọng<br>Tuấn      | 069C0901<br>16                                                                                       | Chủ tịch<br>HĐQT<br>Chairman of<br>the Board of<br>Directors                    |                       |                                     |                              |                                                                                     | 23/08/2024                                                                                                                     |                                                                                                                                               | Bổ nhiệm<br>Appointed | Người nội bộ<br>Insider                                                        |
| 2          | Phan Đỗ Hạnh          | 069C0791<br>67                                                                                       | Thành viên<br>HĐQT<br>Member of the<br>Board of<br>Directors                    |                       |                                     |                              |                                                                                     | 20/01/2020                                                                                                                     |                                                                                                                                               |                       | Người nội bộ<br>Insider                                                        |
| 3          | Nguyễn Mai<br>Thanh   | 000156837<br>9 tại<br>Vndirect                                                                       | Thành viên<br>độc lập HĐQT<br>Independent<br>Member of<br>Board of<br>Directors |                       |                                     |                              |                                                                                     | 25/04/2025                                                                                                                     |                                                                                                                                               | Bổ nhiệm<br>Appointed | Người nội bộ<br>Insider                                                        |
| 4          | Chu Thị<br>Phương Anh |                                                                                                      | Trưởng Ban<br>kiểm soát<br>Head of<br>Supervisory<br>Board                      |                       |                                     |                              |                                                                                     | 11/01/2024                                                                                                                     |                                                                                                                                               | Bổ nhiệm<br>Appointed | Người nội bộ<br>Insider                                                        |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position in the<br>company (if<br>any) | Số Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp NSH<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Head office address/<br>Contact address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insider | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Time of no longer<br>being a related<br>person/<br>insider | Lý do<br>Reason       | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>Công ty<br>Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                    | 3                                                                                                    | 4                                                                            | 5                     | 6                                   | 7                            | 8                                                                                   | 9                                                                                                                              | 10                                                                                                                                            | 11                    | 12                                                                             |
| 5          | Lê Văn Tới           |                                                                                                      | Thành viên<br>Ban kiểm soát<br>Member of<br>Supervisory<br>Board             |                       |                                     |                              |                                                                                     | 28/06/2024                                                                                                                     |                                                                                                                                               | Bổ nhiệm<br>Appointed | Người nội bộ<br>Insider                                                        |
| 6          | Lê Thị Thanh<br>Hằng |                                                                                                      | Thành viên<br>Ban kiểm soát<br>Member of<br>Supervisory<br>Board             |                       |                                     |                              |                                                                                     | 01/11/2024                                                                                                                     |                                                                                                                                               | Bổ nhiệm<br>Appointed | Người nội bộ<br>Insider                                                        |
| 7          | La Hoài Nam          |                                                                                                      | Tổng Giám<br>đốc<br>General<br>Director                                      |                       |                                     |                              |                                                                                     | 25/11/2024                                                                                                                     |                                                                                                                                               | Bổ nhiệm<br>Appointed | Người nội bộ<br>Insider                                                        |
| 8          | Đào Thị Mơ           |                                                                                                      | Kế toán trưởng<br>Chief<br>Accountant                                        |                       |                                     |                              |                                                                                     | 25/03/2025                                                                                                                     |                                                                                                                                               | Bổ nhiệm<br>Appointed | Người nội bộ<br>Insider                                                        |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position in the<br>company (if<br>any)                                                                                                                                                   | Số Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp NSH<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Head office address/<br>Contact address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insider | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Time of no longer<br>being a related<br>person/<br>insider | Lý do<br>Reason            | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>Công ty<br>Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                      | 3                                                                                                    | 4                                                                                                                                                                                                                              | 5                     | 6                                   | 7                            | 8                                                                                   | 9                                                                                                                              | 10                                                                                                                                            | 11                         | 12                                                                             |
| 9          | Võ Ngọc Như            |                                                                                                      | Thư ký<br>HĐQT; Người<br>phụ trách quản<br>trị Công ty;<br>Người được ủy<br>quyền CBTT<br>Secretary of<br>the BOD;<br>Person in<br>charge of<br>Corporate<br>Governance;<br>Authorized<br>person to<br>disclose<br>information |                       |                                     |                              |                                                                                     | 09/08/2024                                                                                                                     |                                                                                                                                               | Bổ nhiệm<br>Appointed      | Người nội bộ<br>Insider                                                        |
| 10         | Dương Thị<br>Thanh Tâm |                                                                                                      | Thành viên<br>độc lập HĐQT<br>Independent<br>Member of<br>Board of<br>Directors                                                                                                                                                |                       |                                     |                              |                                                                                     | 28/06/2024                                                                                                                     | 25/04/2025                                                                                                                                    | Miễn<br>nhiệm<br>Dismissed | Người nội bộ<br>Insider                                                        |
| 11         | Nguyễn Hòa<br>Hiệp     |                                                                                                      | Kế toán trưởng<br>Chief<br>Accountant                                                                                                                                                                                          |                       |                                     |                              |                                                                                     | 31/07/2019                                                                                                                     | 25/03/2025                                                                                                                                    | Miễn<br>nhiệm<br>Dismissed | Người nội bộ<br>Insider                                                        |

03016  
CÔNG  
CỐ PH  
VÀ E  
MỸ C  
PHU-TP

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position in the<br>company (if<br>any)      | Số Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp NSH<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Head office address/<br>Contact address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insider | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Time of no longer<br>being a related<br>person/<br>insider | Lý do<br>Reason            | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>Công ty<br>Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                     | 3                                                                                                    | 4                                                                                 | 5                     | 6                                   | 7                            | 8                                                                                   | 9                                                                                                                              | 10                                                                                                                                            | 11                         | 12                                                                             |
| 12         | Lê Thị Thanh<br>Phụng |                                                                                                      | Người được ủy<br>quyền CBTT<br>Authorized<br>Person to<br>Disclose<br>Information |                       |                                     |                              |                                                                                     | 04/06/2020                                                                                                                     | 09/06/2025                                                                                                                                    | Miễn<br>nhiệm<br>Dismissed | Người nội bộ<br>Insider                                                        |



**PHỤ LỤC 02. DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**APPENDIX 02. THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS CÔNG TY**

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                                  |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 3                    | 4                                                                                                    | 5                                                                               | 6                                                                                                     | 8               | 9                               | 10                           | 11                                 | 12                                                                                                 | 13                                                                                        | 14                                                                                                                    | 17                                                                                                                                                                                                              |
| 1          | Vũ Trọng<br>Tuấn     | 069C0901<br>16                                                                                       | Chủ tịch<br>HĐQT<br>Chairman<br>of the<br>Board of<br>Directors                 | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 768,324                                                                                            | 4.25%                                                                                     | 23/08/<br>2024                                                                                                        | Ông Vũ Trọng<br>Tuấn được bầu<br>làm Chủ tịch<br>Hội đồng quản<br>trị kể từ ngày<br>25/11/2024<br>Mr. Vu Trong<br>Tuan was<br>elected<br>Chairman of<br>the Board of<br>Directors from<br>November 25,<br>2024. |
| 1.1        | Vũ Viết Lễ           |                                                                                                      |                                                                                 | Bố đẻ<br>Father                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Đã mất<br>Deceased                                                                                                                                                                                              |
| 1.2        | Trần Thị<br>Phương   |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Đã mất<br>Deceased                                                                                                                                                                                              |
| 1.3        | Vũ Thị Phương<br>Lan |                                                                                                      |                                                                                 | Chị ruột<br>Older<br>sister                                                                           |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                 |
| 1.4        | Vũ Trọng Tuệ         |                                                                                                      |                                                                                 | Anh ruột<br>Brother                                                                                   |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                 |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note |
|------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|            |                     |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 1.5        | Vũ Trọng<br>Quang   |                                                                                                      |                                                                                 | Anh ruột<br>Brother                                                                                   |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 1.6        | Vũ Trọng Đại        |                                                                                                      |                                                                                 | Anh ruột<br>Brother                                                                                   |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 1.7        | Vũ Thị Thu<br>Hương |                                                                                                      |                                                                                 | Chị ruột<br>Older<br>sister                                                                           |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 1.8        | Hoàng Thị Huệ       |                                                                                                      |                                                                                 | Vợ<br>Wife                                                                                            |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 1.9        | Vũ Trọng Khôi       |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                                                                             |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.10       | Vũ An Nhiên                                                                                       |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Dưới 15 tuổi<br>U15                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1.11       | Vũ Trọng<br>Cường                                                                                 |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Dưới 15 tuổi<br>U15                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1.12       | Công ty Cổ<br>Phần TMDV<br>Tràng Thi<br>Trang Thi<br>Commercial<br>Service Joint<br>Stock Company |                                                                                                      |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Ông Vũ Trọng<br>Tuân làm Chủ<br>tịch HĐQT<br>kiểm Giám đốc<br>- Công ty Cổ<br>phần TMDV<br>Tràng Thi<br>Mr. Vu Trong<br>Tuan is<br>Chairman of the<br>Board of<br>Directors and<br>Director -<br>Trang Thi<br>Commercial<br>Service Joint<br>Stock Company |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                                                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                                                                                                                 |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.13       | Công ty Cổ<br>Phần TM và<br>đầu tư TIC Hà<br>Nội<br>Ha Noi TIC<br>Trading And<br>Investment<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                      |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Ông Vũ Trọng<br>Tuân làm Chủ<br>tịch HĐQT<br>kiêm Tổng<br>Giám đốc -<br>Công ty Cổ<br>phần TM và<br>Đầu tư TIC Hà<br>Nội<br>Mr. Vu Trong<br>Tuan is<br>Chairman of the<br>Board of<br>Directors and<br>General<br>Director - Ha<br>Noi TIC<br>Trading And<br>Investment Joint<br>Stock Company |
| 1.14       | Công ty TNHH<br>TM hàng tiêu<br>dùng T&T<br>(TTC)<br>T&T Consumer<br>And Trading                                      |                                                                                                      |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Ông Vũ Trọng<br>Tuân làm Tổng<br>Giám đốc -<br>Công ty TNHH<br>TM hàng tiêu<br>dùng T&T<br>(TTC)<br>Mr. Vu Trong<br>Tuan is the<br>General<br>Director - T&T<br>Consumer And<br>Trading                                                                                                        |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                            |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.15       | Công ty Cổ<br>phần Bía và<br>nước giải khát<br>Việt Hà<br>Viet Ha Beer<br>And Beverage<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                      |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Ông Vũ Trọng<br>Tuân làm Thành<br>viên HĐQT -<br>Công ty Cổ<br>phần Bía và<br>Nước giải khát<br>Việt Hà<br>Mr. Vu Trong<br>Tuan is a<br>member of the<br>Board of<br>Directors - VHB      |
| 1.16       | Công ty Hợp<br>sắt Tovecan<br>Tovecan<br>Corporation<br>Limited                                                  |                                                                                                      |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Ông Vũ Trọng<br>Tuân làm Thành<br>viên HĐQT -<br>Công ty Hợp sắt<br>Tovecan<br>Mr. Vu Trong<br>Tuan is a<br>member of the<br>Board of<br>Directors -<br>Tovecan<br>Corporation<br>Limited |
| 2          | Phan Đỗ Hạnh                                                                                                     | 069C0791<br>67                                                                                       | Thành<br>viên<br>HĐQT<br>Member of<br>the Board<br>of<br>Directors              | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 2,529,600                                                                                          | 13.99%                                                                                    | 20/01/<br>2020                                                                                                        |                                                                                                                                                                                           |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note |
|------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 2.1        | Phan Hồng<br>Châu   |                                                                                                      |                                                                                 | Bố đẻ<br>Father                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Đã mất<br>Deceased                                                             |
| 2.2        | Đỗ Phương<br>Châm   |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Đã mất<br>Deceased                                                             |
| 2.3        | Phan Hồng Hải       |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>brother                                                                         |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 2.4        | Châu Muối           |                                                                                                      |                                                                                 | Em dâu<br>Sister in<br>law                                                                            |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 2.5        | Phan Hồng<br>Hiền   |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>sister                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 2.6        | Hoàng Hải           |                                                                                                      |                                                                                 | Em rể<br>Brother in<br>law                                                                            |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 2.7        | Phan Hồng Hà        |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>brother                                                                         |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                        | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any)        | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                                                   |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.8        | Công ty CP<br>Sản xuất và<br>Xuất nhập khẩu<br>Lâm sản Sài<br>Gòn<br>Vinafor Saigon<br>JCO |                                                                                                      |                                                                                        | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Bà Phan Đỗ<br>Hạnh là thành<br>viên Hội đồng<br>quản trị của<br>Công ty CP Sản<br>xuất và Xuất<br>nhập khẩu Lâm<br>sản Sài Gòn<br>Ms. Phan Do<br>Hanh is a<br>member of the<br>Board of<br>Directors of<br>Vinafor Saigon<br>JCO |
| 3          | Nguyễn Mai<br>Thanh                                                                        | 00015683<br>79 tại<br>Vndirect                                                                       | Thành<br>viên độc<br>lập HĐQT<br>Independ<br>ent Member<br>of Board<br>of<br>Directors | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 0                                                                                                  | 0                                                                                         | 25/04/2025                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3.1        | Nguyễn Đức<br>Vinh                                                                         | -                                                                                                    | -                                                                                      | Bố đẻ<br>Father                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3.2        | Lê Thị Oánh                                                                                | -                                                                                                    | -                                                                                      | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                                                                    |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.3        | Nguyễn Thúy<br>Hàng                                    | -                                                                                                    | -                                                                               | Chị gái<br>Sister                                                                                     |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 3.4        | Nguyễn Thành<br>Công                                   | -                                                                                                    | -                                                                               | Anh rể<br>brother in<br>law                                                                           |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 3.5        | Công ty Cổ<br>phần Tập đoàn<br>T&T<br>T&T Group<br>JSC | -                                                                                                    |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Bà Nguyễn Mai<br>Thanh là Giám<br>đốc Ban Kế toán<br>Quản lý đơn vị<br>thành viên tại<br>Công ty CP Tập<br>đoàn T&T<br>Ms. Nguyen Mai<br>Thanh is<br>Director of<br>Accounting<br>Department,<br>Managing<br>member units at<br>T&T Group<br>JSC. |
| 3.6        | Công ty CP Bất<br>động sản T&T<br>Homes<br>T&T Homes   | -                                                                                                    |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Bà Nguyễn Mai<br>Thanh là TV<br>HĐQT Công ty<br>CP Bất động sản<br>T&T Homes<br>Ms. Nguyen Mai<br>Thanh is a<br>member of the<br>Board of                                                                                                         |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                |
|------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                  |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Directors of<br>T&T Homes                                                                                                                                                                     |
| 3.7        | Công ty CP<br>Thái Sơn Long<br>An<br>Thai Son -<br>Long An., JSC | -                                                                                                    |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Bà Nguyễn Mai<br>Thanh là<br>Trưởng Ban<br>Kiểm soát Công<br>ty CP Thái Sơn<br>Long An<br>Ms. Nguyen Mai<br>Thanh is Head<br>of the Board of<br>Supervisors of<br>Thai Son - Long<br>An., JSC |
| 4          | Chu Thị<br>Phương Anh                                            |                                                                                                      | Trưởng<br>Ban kiểm<br>soát<br>Head of<br>Supervisor<br>y Board                  | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 0                                                                                                  | 0                                                                                         | 11/01/<br>2024                                                                                                        |                                                                                                                                                                                               |
| 4.1        | Chu Sỹ Lập                                                       |                                                                                                      |                                                                                 | Bố đẻ<br>Father                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                               |
| 4.2        | Phan Thị Hằng                                                    |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                               |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note |
|------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|            |                     |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 4.3        | Chu Thị Phan<br>Anh |                                                                                                      |                                                                                 | Chị ruột<br>Older<br>sister                                                                           |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 4.4        | Chu Thị Hồng<br>Anh |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>sister                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 4.5        | Chu Thị Ngọc<br>Anh |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>sister                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 4.6        | Lê Cảnh Tâm         |                                                                                                      |                                                                                 | Chồng<br>Husband                                                                                      |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 4.7        | Lê Cảnh Phát        |                                                                                                      |                                                                                 | Bố chồng<br>Father in<br>law                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                          | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                           |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                              |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                          |
| 4.8        | Trương Thị<br>Đào                                                                            |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ chồng<br>Mother in<br>law                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                          |
| 4.9        | Lê Tâm Anh                                                                                   |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Dưới 15 tuổi                                                                                                             |
| 4.10       | Lê Cảnh Nhật<br>Tuệ                                                                          |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Dưới 15 tuổi                                                                                                             |
| 4.11       | Nguyễn Ngọc<br>Huy Phong                                                                     |                                                                                                      |                                                                                 | Em rể<br>Brother in<br>law                                                                            |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                          |
| 4.12       | Công ty cổ<br>phần Xăng dầu<br>Quang Lộc<br>Quang Loc<br>Petroleum<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                      |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Bà Chu Thị<br>Phương Anh<br>làm Giám đốc<br>của Công ty cổ<br>phần Xăng dầu<br>Quang Lộc<br>Ms. Chu Thi<br>Phuong Anh is |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any)   | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                 |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                               |                                                                                                      |                                                                                   |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | the Director of<br>Quang Loc<br>Petroleum Joint<br>Stock Company.                                                                                                                              |
| 4.13       | Công ty cổ<br>phần Quang<br>Lộc Quảng Trị<br>Quang Loc<br>Quang Tri<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                      |                                                                                   | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Bà Chu Thị<br>Phương Anh<br>làm Giám đốc<br>của Công ty cổ<br>phần Quang Lộc<br>Quảng Trị<br>Ms. Chu Thi<br>Phuong Anh is<br>the Director of<br>Quang Loc<br>Quang Tri Joint<br>Stock Company. |
| 5          | Lê Văn Tới                                                                                    |                                                                                                      | Thành<br>viên Ban<br>kiểm soát<br>Member of<br>the Board<br>of<br>Supervisor<br>s | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 0                                                                                                  | 0                                                                                         | 28/06/<br>2024                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                |
| 5.1        | Lê Văn Tiến                                                                                   |                                                                                                      |                                                                                   | Bố đẻ<br>Father                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note |
|------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 5.2        | Đặng Thị<br>Chính   |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 5.3        | Lê Văn Tuấn         |                                                                                                      |                                                                                 | Anh ruột<br>Older<br>Brother                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 5.4        | Lê Thị Luyến        |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>sister                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 5.5        | Lại Thị Hoài        |                                                                                                      |                                                                                 | Vợ<br>Wife                                                                                            |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any)   | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                                                        |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5.6        | Công ty CP<br>BĐS Du lịch<br>Ninh Vân Bay<br>Ninh Van Bay<br>Travel Real<br>Estate Joint<br>Stock Company |                                                                                                      |                                                                                   | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Ông Lê Văn Tới<br>là người phụ<br>trách quản trị<br>công ty CP BĐS<br>Du lịch Ninh<br>Vân Bay<br>Mr. Le Van Toi<br>is the person in<br>charge of<br>administration<br>of Ninh Van Bay<br>Travel Real<br>Estate Joint<br>Stock Company |
| 6          | Lê Thị Thanh<br>Hằng                                                                                      |                                                                                                      | Thành<br>viên Ban<br>kiểm soát<br>Member of<br>the Board<br>of<br>Supervisor<br>s | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 0                                                                                                  | 0                                                                                         | 01/11/<br>2024                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                       |
| 6.1        | Lê Quang<br>Chung                                                                                         |                                                                                                      |                                                                                   | Bố đẻ<br>Father                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                       |
| 6.2        | Trần Thị Thanh<br>Vân                                                                                     |                                                                                                      |                                                                                   | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                       |
| 6.3        | Lê Trung Hiếu                                                                                             |                                                                                                      |                                                                                   | Em ruột<br>Younger<br>brother                                                                         |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                       |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                                                                                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                                                                                |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                                                                      |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 6.4        | Lê Thị Thùy<br>Dương                                                                                                                                 |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>sister                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 6.5        | Công ty cổ<br>phần Công<br>nghệ sinh học<br>dược phẩm T &<br>T – Nam Hà<br>T&T – Nam Hà<br>Biotechnology<br>Pharmaceutical<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                      |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Bà Lê Thị<br>Thanh Hằng là<br>Kế toán trưởng<br>Công ty cổ phần<br>Công nghệ sinh<br>học dược phẩm<br>T & T – Nam<br>Hà<br>Ms. Le Thi<br>Thanh Hang is<br>Chief<br>Accountant of<br>T&T – Nam Ha<br>Biotechnology<br>Pharmaceutical<br>Joint Stock<br>Company |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                                                | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                                                                               |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6.6        | Công ty cổ<br>phần Thương<br>mại Dịch vụ<br>Tràng Thi<br>Trang Thi<br>Commercial<br>Service Joint<br>Stock Company |                                                                                                      |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Bà Lê Thị<br>Thanh Hằng là<br>Trưởng Ban<br>kiểm soát của<br>Công ty cổ phần<br>Thương mại<br>Dịch vụ Tràng<br>Thi<br>Ms. Le Thi<br>Thanh Hang is<br>Head of the<br>Board of<br>Supervisors of<br>Trang Thi<br>Commercial<br>Service Joint<br>Stock Company. |
| 7          | La Hoài Nam                                                                                                        |                                                                                                      | Tổng<br>Giám đốc<br>General<br>Director                                         | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 0                                                                                                  | 0                                                                                         | 25/11/<br>2024                                                                                                        | Ông La Hoài<br>Nam được bổ<br>nhiệm làm<br>Tổng Giám đốc<br>kể từ ngày<br>25/11/2024<br>Mr. La Hoai<br>Nam was<br>appointed<br>General<br>Director from<br>November 25,<br>2024.                                                                             |
| 7.1        | La Văn Chử                                                                                                         |                                                                                                      |                                                                                 | Bố đẻ<br>Father                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|            |                      |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 7.2        | Nguyễn Kim<br>Lan    |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 7.3        | Lê Cảnh Tấn          |                                                                                                      |                                                                                 | Bố vợ<br>Father in<br>law                                                                             |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 7.4        | Phó Ngọc Minh        |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ vợ<br>Mother in<br>law                                                                             |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 7.5        | La Hoài<br>Phương    |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>brother                                                                         |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 7.6        | Đặng Thị Nga         |                                                                                                      |                                                                                 | Em dâu<br>Sister in<br>law                                                                            |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 7.7        | Lê Thị Hoàn<br>Thanh |                                                                                                      |                                                                                 | Vợ<br>Wife                                                                                            |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                                            |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7.8        | La Thiệu Khang                                                                         |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                           |
| 7.9        | La Thiệu Vũ                                                                            |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Dưới 15 tuổi                                                                                                                                                                                                              |
| 7.10       | Công Ty<br>TNHH<br>Southwall Việt<br>Nam<br>Southwall<br>Vietnam<br>Company<br>Limited |                                                                                                      |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Ông La Hoài<br>Nam làm Thành<br>viên Hội đồng<br>thành viên -<br>Công ty TNHH<br>Southwall Việt<br>Nam<br>Mr. La Hoai<br>Nam is a<br>member of the<br>Board of<br>Members -<br>Southwall<br>Vietnam<br>Company<br>Limited |
| 8          | Đào Thị Mơ                                                                             |                                                                                                      | Kế toán<br>trưởng<br>Chief<br>Accountan<br>t                                    | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 0                                                                                                  | 0.00%                                                                                     | 25/03/2025                                                                                                            | Bà Đào Thị Mơ<br>được bổ nhiệm<br>chức danh Kế<br>toán trưởng kể<br>từ ngày<br>25/03/2025                                                                                                                                 |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note          |
|------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                       |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Ms. Dao Thi<br>Mo was<br>appointed as<br>Chief<br>Accountant<br>from March 25,<br>2025. |
| 8.1        | Phan Thị Thảo         |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                         |
| 8.2        | Đào Mai               |                                                                                                      |                                                                                 | Anh ruột<br>Brother                                                                                   |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                         |
| 8.3        | Lê Thị Ngọc<br>Xuân   |                                                                                                      |                                                                                 | Chị dâu<br>Sister in<br>law                                                                           |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                         |
| 8.4        | Đào Minh              |                                                                                                      |                                                                                 | Anh ruột<br>Brother                                                                                   |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                         |
| 8.5        | Phạm Thị Diễm<br>Thúy |                                                                                                      |                                                                                 | Chị dâu<br>Sister in<br>law                                                                           |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                         |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note |
|------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|            |                     |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 8.6        | Đào Mẫn             |                                                                                                      |                                                                                 | Anh ruột<br>Brother                                                                                   |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 8.7        | Nguyễn Đức          |                                                                                                      |                                                                                 | Bố chồng<br>Father in<br>law                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 8.8        | Nguyễn Tố Nhi       |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ chồng<br>Mother in<br>law                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 8.9        | Nguyễn Vũ<br>Linh   |                                                                                                      |                                                                                 | Chồng<br>Husband                                                                                      |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any)                    | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note      |
|------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.10       | Nguyễn Đào<br>Gia Khiêm |                                                                                                      |                                                                                                    | Con<br>Child                                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |  |
| 8.11       | Nguyễn Đào<br>Nghị Văn  |                                                                                                      |                                                                                                    | Con<br>Child                                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Dưới 15 tuổi<br>U15                                                                 |
| 9          | Võ Ngọc Như             |                                                                                                      | Thư ký<br>HDQT;<br>Người phụ<br>trách<br>quản trị<br>Công ty;<br>Người<br>được ủy<br>quyền<br>CBTT | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 0                                                                                                  | 0                                                                                         | 09/08/2024                                                                                                            |                                                                                     |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any)                                                              | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note |
|------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|            |                      |                                                                                                      | Secretary<br>of the<br>BOD;<br>Person in<br>charge of<br>corporate<br>governanc<br>e; Person<br>authorized<br>to disclose<br>informatio<br>n |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 9.1        | Võ Văn Sự            |                                                                                                      |                                                                                                                                              | Bố đẻ<br>Father                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 9.2        | Đặng Thị Hòa         |                                                                                                      |                                                                                                                                              | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 9.3        | Nguyễn Thành<br>Phát |                                                                                                      |                                                                                                                                              | Chồng<br>Husband                                                                                      |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any)        | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                    |
|------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.4        | Võ Văn Hiến              |                                                                                                      |                                                                                        | Anh ruột<br>Older<br>brother                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                   |
| 9.5        | Nguyễn Thị<br>Diễm Sương |                                                                                                      |                                                                                        | Chị dâu<br>Sister in<br>law                                                                           |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                   |
| 9.6        | Nguyễn Thành<br>Lợi      |                                                                                                      |                                                                                        | Bố chồng<br>Father in<br>law                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                   |
| 9.7        | Đặng Thị Hồng<br>Vân     |                                                                                                      |                                                                                        | Mẹ chồng<br>Mother in<br>law                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                   |
| 10         | Dương Thị<br>Thanh Tâm   |                                                                                                      | Thành<br>viên độc<br>lập HĐQT<br>Independ<br>ent Member<br>of Board<br>of<br>Directors | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 0                                                                                                  | 0                                                                                         | 28/06/<br>2024                                                                                                        | Bà Dương Thị<br>Thanh Tâm<br>được miễn<br>nhiệm ngày<br>25/04/2025<br>Ms. Duong Thi<br>Thanh Tam<br>was dismissed |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note |
|------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|            |                         |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | on April 25,<br>2025.                                                          |
| 10.1       | Dương Đình<br>Vinh      |                                                                                                      |                                                                                 | Bố đẻ<br>Father                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 10.2       | Lê Thị An               |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 10.3       | Dương Thị<br>Thủy       |                                                                                                      |                                                                                 | Chị ruột<br>Older<br>sister                                                                           |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 10.4       | Dương Thị<br>Thanh Bình |                                                                                                      |                                                                                 | Chị ruột<br>Older<br>sister                                                                           |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 10.5       | Dương Hương<br>Thảo     |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>sister                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 10.6       | Vũ Hồng Việt            |                                                                                                      |                                                                                 | Chồng<br>Husband                                                                                      |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                      |
|------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                        |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                     |
| 11         | Nguyễn Hòa<br>Hiệp     |                                                                                                      | Kế toán<br>trưởng<br>Chief<br>Accountan<br>t                                    | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 0                                                                                                  | 0                                                                                         | 31/07/<br>2019                                                                                                        | Ông Nguyễn<br>Hòa Hiệp được<br>miễn nhiệm<br>ngày<br>25/03/2025<br>Mr. Nguyen<br>Hoa Hiep was<br>dismissed on<br>March 25,<br>2025. |
| 11.1       | Nguyễn Thị<br>Gió      |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                     |
| 11.1       | Nguyễn Quốc<br>Phong   |                                                                                                      |                                                                                 | Anh ruột<br>Older<br>brother                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                     |
| 11.3       | Nguyễn Thị<br>Minh Tâm |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>sister                                                                          |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                     |

16713  
NG TY  
PH  
BAC  
CH  
-TP.HC

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note     |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 11.4       | Vũ Thị Tuyết<br>Phuong                                                |                                                                                                      |                                                                                 | Vợ<br>Wife                                                                                            |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                    |
| 11.5       | Nguyễn Hoàng<br>Khang                                                 |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                    |
| 11.6       | Nguyễn Minh<br>Thành                                                  |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Dưới 15 tuổi<br>U15                                                                |
| 11.7       | Phan Thị Hằng                                                         |                                                                                                      |                                                                                 | Chị dâu<br>Sister in<br>law                                                                           |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                    |
| 11.8       | Nguyễn Xuân<br>Hoàng                                                  |                                                                                                      |                                                                                 | Em rể<br>Brother in<br>law                                                                            |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                    |
| 11.9       | Công Ty Cổ<br>phần XNK Rau<br>Quả<br>Fruit-Vegetable<br>Export-Import |                                                                                                      |                                                                                 | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Ông Nguyễn<br>Hòa Hiệp làm<br>Chủ tịch HĐQT<br>- Công ty Cổ<br>Phần XNK Rau<br>Quả |



| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name                                                                                                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any)             | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note                                                                                                                                                                        |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | Joint Stock<br>Company                                                                                                  |                                                                                                      |                                                                                             |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Mr. Nguyen<br>Hoa Hiep is<br>Chairman of the<br>Board of<br>Directors Fruit-<br>Vegetable<br>Export-Import<br>Joint Stock<br>Company                                                                                                                  |
| 11.10      | Công ty CP<br>XNK Hạt điều<br>& Hàng nông<br>sản thực phẩm<br>TP.HCM<br>(Vinalimex)<br>Vinalimex J.Co<br>Hochiminh City |                                                                                                      |                                                                                             | Tổ chức có<br>liên quan<br>Related<br>organizati<br>ons                                               |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | Ông Nguyễn<br>Hòa Hiệp làm<br>Thành viên<br>HĐQT - Công<br>ty CP XNK Hạt<br>điều & Hàng<br>nông sản thực<br>phẩm TP.HCM<br>(Vinalimex)<br>Mr. Nguyen<br>Hoa Hiep is a<br>member of the<br>Board of<br>Directors -<br>Vinalimex J.Co<br>Hochiminh City |
| 12         | Lê Thị Thanh<br>Phụng                                                                                                   |                                                                                                      | Người<br>được ủy<br>quyền<br>CBTT<br>Authorized<br>person to<br>disclose<br>informatio<br>n | Người nội<br>bộ<br>Insider                                                                            |                 |                                 |                              |                                    | 0                                                                                                  | 0                                                                                         | 04/06/<br>2020                                                                                                        | Bà Lê Thị<br>Thanh Phụng<br>được miễn<br>nhiệm ngày<br>09/06/2025<br>Ms. Le Thi<br>Thanh Phung<br>was dismissed                                                                                                                                       |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note |
|------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|            |                        |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       | on June 9,<br>2025.                                                            |
| 12.1       | Huỳnh Thị<br>Thêm      |                                                                                                      |                                                                                 | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 12.2       | Lê Tấn Phát            |                                                                                                      |                                                                                 | Em ruột<br>Younger<br>brother                                                                         |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 12.3       | Bùi Thị Hồng<br>Nguyễn |                                                                                                      |                                                                                 | Em dâu<br>Sister in<br>law                                                                            |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |
| 12.4       | Phan Lê Hoàng<br>An    |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Full name    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position in<br>the<br>company<br>(if any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationsh<br>ip with<br>company/i<br>nsider | Giấy NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ liên hệ<br>Contact address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>End of<br>period<br>share<br>ownership<br>ratio | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan/người<br>nội bộ<br>Start date is<br>related<br>person/insid<br>er | Ghi chú (về<br>việc không có<br>số Giấy NSH<br>và các ghi chú<br>khác)<br>Note      |
|------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                        |                                                                                                      |                                                                                 |                                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |                                                                                     |
| 12.5       | Phan Lê Hoàng<br>Thịnh |                                                                                                      |                                                                                 | Con đẻ<br>Child                                                                                       |                 |                                 |                              |                                    |                                                                                                    |                                                                                           |                                                                                                                       |  |